

TỘI PHẠM VỀ HÀNG GIẢ THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ CỦA PHÁP VÀ HOA KỲ: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CÓ Ý NGHĨA THAM KHẢO CHO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

● NGUYỄN THỊ THANH BÌNH

Khoa Luật trường Đại học Sài Gòn

DOI: <https://doi.org/10.62831/202526018>

TÓM TẮT:

Tội phạm về hàng giả đang là thách thức toàn cầu, đặc biệt trong bối cảnh công nghệ số với sự phát triển mạnh mẽ của thương mại điện tử và giao dịch trực tuyến. Việc xử lý hình sự đối với tội phạm này ở mỗi quốc gia lại khác nhau, do đặc thù pháp luật và bối cảnh kinh tế - xã hội. Bài viết nghiên cứu tội phạm hàng giả theo pháp luật hình sự của Pháp và Hoa Kỳ, qua đó phân tích những điểm tương đồng và khác biệt, đưa ra một số vấn đề có ý nghĩa tham khảo đối với quá trình hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam.

Từ khóa: tội phạm, tội phạm về hàng giả, Luật Hình sự, hoàn thiện pháp luật hình sự, Pháp, Hoa Kỳ.

1. Đặt vấn đề

Hiện nay, tội phạm về hàng giả không chỉ là vấn đề nội tại của một quốc gia mà đã trở thành thách thức chung mang tính toàn cầu. Pháp luật hình sự các quốc gia đã có những quy định nhằm ngăn chặn, xử lý nghiêm minh đối với tội phạm này. Tuy nhiên, do khác biệt về truyền thống pháp luật, điều kiện kinh tế - xã hội và đặc điểm tội phạm ở từng quốc gia, các quy định về xử lý hình sự đối với tội phạm hàng giả ở các quốc gia vẫn có những điểm khác nhau đáng kể. Bài viết phân tích quy định về tội phạm hàng giả trong pháp luật hình sự của Pháp và Hoa Kỳ để làm rõ những nét tương đồng và khác biệt trong cách tiếp cận. Từ đó, tác giả đưa ra một số vấn đề có giá trị tham khảo cho việc hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam về tội phạm hàng giả.

2. Pháp luật hình sự Pháp về tội phạm hàng giả

Trong hệ thống pháp luật hình sự Pháp, các hành vi liên quan đến sản xuất, buôn bán hàng giả, đặc biệt là hàng hóa mang nhãn hiệu giả mạo được quy định tại Điều L716-9 thuộc Mục 2 (Hành vi phạm tội), Chương VI (Giám giữ hải quan và các hành động hình sự) của Bộ luật Sở hữu trí tuệ và Sức khỏe năm 2004, được sửa đổi bổ sung năm 2019. Quy định này nêu rõ trách nhiệm hình sự đối với cá nhân có hành vi buôn bán, cung cấp hoặc chào bán hàng hóa giả mạo nhằm mục đích thương mại, cụ thể như sau:

- Nhập khẩu, xuất khẩu, tái xuất khẩu hoặc chuyển tải hàng hóa mang nhãn hiệu giả mạo;
- Sản xuất công nghiệp hàng hóa giả mạo;

- Đưa ra chỉ dẫn, hướng dẫn hoặc lệnh để thực hiện các hành vi kể trên.

Hình phạt dành cho các hành vi này bao gồm: Hình phạt tù lên đến 04 năm; Phạt tiền tối đa 400.000 Euro. Khi các hành vi nêu trên được thực hiện trong những trường hợp nghiêm trọng hơn, chẳng hạn như do một nhóm có tổ chức thực hiện hoặc qua mạng truyền thông công cộng trực tuyến hoặc liên quan đến hàng hóa có nguy cơ gây hại cho sức khỏe và sự an toàn của con người hoặc động vật, thì mức hình phạt sẽ được nâng cao, có thể lên tới 07 năm tù và phạt tiền tối đa 750.000 Euro.

Trên cơ sở đó, pháp luật cũng quy định các chế tài cụ thể nhằm xử lý nghiêm khắc các hành vi liên quan đến thuốc giả, như được thể hiện rõ trong các Điều L5421-13 đến L5421-15 của Bộ luật Y tế công cộng 2000, sửa đổi bổ sung 2024¹. Cụ thể, hành vi sản xuất, môi giới, phân phối, quảng cáo, chào bán, bán, nhập khẩu hoặc xuất khẩu thuốc giả đều bị coi là hành vi phạm tội và bị xử phạt hình sự. Mức phạt cho các hành vi này có thể lên tới 05 năm tù và 375.000 Euro tiền phạt. Tuy nhiên, nếu có các yếu tố tăng nặng, hình phạt sẽ được nâng lên đáng kể với mức tối đa là 07 năm tù và 750.000 Euro tiền phạt.

Những tình tiết tăng nặng bao gồm: thuốc giả có khả năng gây nguy hại đến sức khỏe con người; hành vi phạm tội được thực hiện bởi các chủ thể có thẩm quyền hoặc được cấp phép hành nghề trong lĩnh vực dược phẩm như các cơ sở sản xuất, nhà phân phối, dược sĩ nhà thuốc hoặc dược sĩ nội bộ; tội phạm được tổ chức có hệ thống hoặc các hành vi vi phạm được thực hiện qua mạng viễn thông, với mục tiêu hướng đến công chúng rộng rãi - thường là qua các nền tảng trực tuyến.

Bên cạnh các hành vi sản xuất và phân phối, hành vi tàng trữ thuốc giả cũng bị xử lý hình sự nếu không có lý do chính đáng. Mức phạt trong trường hợp này là tối đa 03 năm tù và 75.000 Euro. Nếu thuốc giả tàng trữ được xác định là có thể gây nguy hiểm cho sức khỏe con người, thì hình phạt có thể tăng lên 05 năm tù và 375.000 Euro. Bộ luật cũng quy định việc cố ý chuẩn bị hoặc mưu toan thực hiện các hành vi nêu trên - dù chưa hoàn thành - vẫn bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Mức hình phạt

áp dụng cho hành vi dự định phạm tội có thể tương đương với hình phạt của hành vi đã hoàn thành.

Nhằm tăng cường bảo vệ người tiêu dùng một cách toàn diện, Bộ luật Tiêu dùng 2016, sửa đổi bổ sung 2024, cụ thể tại các Điều L411 đến L463, cũng đưa ra những quy định quan trọng liên quan đến việc phòng chống thực phẩm giả.²

Theo Điều L412-10, pháp luật nghiêm cấm các hành vi làm giả thực phẩm phục vụ con người hoặc động vật. Cụ thể, không được phép làm giả thực phẩm, bày bán những thực phẩm mà người bán biết rõ đã bị làm giả, hư hỏng hoặc có tính độc hại. Việc bán các thiết bị có thể dùng để làm giả thực phẩm cũng bị nghiêm cấm. Các hành vi khuyến khích sử dụng thực phẩm giả thông qua quảng cáo hoặc truyền thông cũng bị cấm tuyệt đối.

Về mặt xử phạt, các hình phạt nghiêm khắc được quy định chi tiết trong Chương II và Chương III của các Điều L451 đến L453. Trong đó, Điều L451-2 quy định, hành vi làm giả thực phẩm có nguy cơ gây hại cho sức khỏe con người hoặc động vật, hoặc hành vi phạm tội được thực hiện theo băng nhóm, sẽ bị phạt tù lên đến 07 năm và phạt tiền tối đa 750.000 Euro. Các hành vi liên quan đến tàng trữ hoặc sử dụng thiết bị gian lận được quy định tại Điều L451-3 và L451-4 sẽ bị xử phạt nhẹ hơn, với mức tù từ 01 đến 02 năm và phạt tiền từ 150.000 đến 300.000 Euro, tùy theo mức độ nguy hiểm của hành vi. Ngoài ra, theo Điều L451-5, mức phạt tiền có thể tăng lên đến 10% doanh thu trung bình hàng năm nếu lợi nhuận từ hành vi vi phạm là đáng kể.

Bên cạnh đó, Bộ luật cũng quy định một số biện pháp xử lý bổ sung tại Điều L451-6 và L451-7, bao gồm việc cấm hành nghề, cấm kinh doanh, buộc thực hiện công khai phán quyết của tòa án, tịch thu thực phẩm và thu hồi dịch vụ có liên quan.

Về trách nhiệm đối với thực phẩm nguy hại, Điều L452 quy định rõ ràng trách nhiệm của người kinh doanh. Cụ thể, theo khoản 5 của Điều L452, nếu người kinh doanh biết thực phẩm - bao gồm thực phẩm hoặc các sản phẩm dùng cho động vật - có thể gây nguy hiểm nhưng không tiến hành thu hồi, có thể bị phạt tù đến 05 năm và phạt tiền lên đến 600.000 Euro, đồng thời mức phạt có thể tăng thêm đến 10% doanh thu trung bình hàng năm. Các

biện pháp bổ sung tương tự như trong Điều L451, cũng được áp dụng theo khoản 6 của Điều L452 nhằm tăng cường hiệu quả xử lý vi phạm.

So sánh những quy định này với hệ thống pháp luật hình sự của Việt Nam trong việc xử lý các tội liên quan đến hàng giả, có thể thấy: pháp luật Pháp, thông qua các quy định tại Điều L716-9 của Bộ luật Sở hữu trí tuệ và Sức khỏe, các Điều L5421-13 đến L5421-15 của Bộ luật Y tế công cộng và các quy định trong Bộ luật Tiêu dùng, xây dựng một hệ thống pháp lý toàn diện nhằm xử lý nghiêm các hành vi liên quan đến hàng giả, đặc biệt là hàng hóa mang nhãn hiệu giả mạo, thuốc giả và thực phẩm giả. Mức phạt dành cho những hành vi này có thể lên tới 07 năm tù và 750.000 Euro tiền phạt, đồng thời bao gồm các hình phạt bổ sung như cấm hành nghề, cấm kinh doanh và tịch thu hàng hóa.

Các quy định trong pháp luật của Pháp đặc biệt chú trọng đến các yếu tố tăng nặng như hành vi phạm tội được thực hiện bởi các băng nhóm có tổ chức, qua mạng truyền thông công cộng trực tuyến, hoặc khi hàng hóa giả mạo gây nguy hiểm đến sức khỏe con người hoặc động vật. Đồng thời, việc xử lý còn mở rộng đến các hành vi chuẩn bị, mưu toan phạm tội, thể hiện quan điểm phòng ngừa và xử lý triệt để.

So với Việt Nam, các quy định tại BLHS Việt Nam (Điều 192 đến Điều 195) cũng nghiêm cấm và xử lý nghiêm các hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả, bao gồm thực phẩm giả và thuốc giả. Tuy nhiên, điểm khác biệt rõ rệt là pháp luật Pháp nhấn mạnh hơn về việc áp dụng chế tài đối với tội phạm có tổ chức và phạm tội qua môi trường mạng, cùng với quy định về các biện pháp xử lý bổ sung nhằm tăng cường hiệu quả phòng chống tội phạm. Ngoài ra, việc tính phạt theo tỷ lệ phần trăm doanh thu của đối tượng vi phạm cũng là một biện pháp nhằm tăng tính răn đe đối với các vụ việc có lợi nhuận lớn, điều mà pháp luật Việt Nam chưa quy định cụ thể.

3. Pháp luật hình sự Hoa Kỳ về các tội sản xuất, buôn bán hàng giả

Trong hệ thống pháp luật Liên bang Hoa Kỳ, các hành vi liên quan đến sản xuất, buôn bán hàng giả được điều chỉnh chủ yếu tại Chủ đề 18, Điều

2320(a)³ của Bộ luật Hoa Kỳ (buôn bán hàng hóa hoặc dịch vụ giả mạo), với quy định cụ thể về trách nhiệm hình sự đối với cá nhân cố ý thực hiện hành vi sản xuất, vận chuyển hoặc buôn bán hàng hóa giả mạo. Cụ thể, điều luật này xác định một cá nhân sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự nếu cố ý thực hiện một trong các hành vi sau đây:

“(1) Buôn bán hàng hóa hoặc dịch vụ và cố ý sử dụng nhãn hiệu giả trên hoặc liên quan đến hàng hóa hoặc dịch vụ đó;

(2) Buôn bán nhãn, miếng vá, nhãn dán, giấy gói, huy hiệu, biểu tượng, huy chương, bùa hộ mệnh, hộp, thùng chứa, lon, hộp, thẻ treo, tài liệu hoặc bao bì thuộc bất kỳ loại hoặc tính chất nào thì nhãn hiệu giả đã được dán vào đó, việc sử dụng nhãn hiệu này có thể gây nhầm lẫn, gây ra sai sót hoặc lừa dối;

(3) Buôn bán hàng hóa hoặc dịch vụ khi biết hàng hóa hoặc dịch vụ đó là hàng hóa hoặc dịch vụ quân sự giả mạo, việc sử dụng, trực tiếp hoặc gián tiếp của chúng có khả năng gây ra thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong, tiết lộ thông tin mật, làm suy yếu hoạt động chiến đấu hoặc gây hại đáng kể khác cho hoạt động chiến đấu, thành viên của Lực lượng vũ trang hoặc an ninh quốc gia;

(4) Buôn bán dược phẩm và cố ý sử dụng nhãn hiệu giả trên hoặc liên quan đến loại dược phẩm đó”

Điều luật này xuất phát từ Tội làm giả nhãn hiệu, quy định tại Điều 1704 Cẩm nang Nghiệp vụ Hình sự Hoa Kỳ. Để xác định tội hình sự theo Chủ đề 18, Mục 2320(a) Bộ luật Hoa Kỳ, tòa án phải chứng minh: “(1) bị cáo đã buôn bán hoặc cố gắng buôn bán hàng hóa hoặc dịch vụ; (2) việc buôn bán hoặc cố gắng buôn bán đó là cố ý; (3) bị cáo đã sử dụng “nhãn hiệu giả” trên hoặc liên quan đến hàng hóa hoặc dịch vụ đó; (4) bị cáo nhãn hiệu được sử dụng như vậy là giả mạo”⁴

Có thể thấy, pháp luật Hoa Kỳ không sử dụng định nghĩa “hàng giả” mà sử dụng định nghĩa “nhãn hiệu giả mạo” gắn liền với các loại hàng để quy định tội này. Điều này được giải thích tại khoản (f): thuật ngữ “hàng hóa hoặc dịch vụ giả mạo” có nghĩa là hàng hóa hoặc dịch vụ sử dụng “nhãn hiệu giả mạo” trên hoặc liên quan đến hàng hóa hoặc dịch vụ đó.

Về hình phạt tương ứng với các hành vi trên, bao gồm hình phạt tù và phạt tiền, cụ thể:

- Với hành vi vi phạm Mục 2320(a)(1)(2), nếu là cá nhân, sẽ bị phạt không quá 2 triệu USD hoặc bị phạt tù không quá 10 năm, hoặc cả 2 và nếu là tổ chức, sẽ bị phạt không quá 5 triệu USD. Đối với lần vi phạm thứ hai hoặc các lần tiếp theo, nếu là cá nhân, sẽ bị phạt không quá 5 triệu USD hoặc bị phạt tù không quá 20 năm, hoặc cả 2 và nếu là tổ chức, sẽ bị phạt không quá 15 triệu USD.

- Với hành vi vi phạm Mục 2320(a)(3) và 2320(a)(4), liên quan đến việc làm giả hàng hóa hoặc dịch vụ quân sự và giả mạo thuốc (thuốc chữa bệnh hoặc thiết bị y tế), pháp luật Liên bang Hoa Kỳ quy định mức xử phạt đặc biệt nghiêm khắc. Cụ thể, hình phạt tối đa có thể lên tới 20 năm tù giam đối với cá nhân vi phạm, kèm theo khoản tiền phạt lên đến 5 triệu USD. Trường hợp người phạm tội là tổ chức, mức tiền phạt có thể tăng lên tối đa 15 triệu USD.

- Tình tiết tăng nặng được quy định tại Mục 2320(b), trường hợp cố ý, thiếu trách nhiệm (cẩu thả) hoặc cố ý định gây ra thương tích nghiêm trọng hoặc dẫn đến cái chết. Nếu hành vi phạm tội gây thương tích nghiêm trọng, mức án tối đa có thể là 20 năm tù, kèm theo: phạt tiền 5 triệu USD nếu người phạm tội là cá nhân; 15 triệu USD nếu người phạm tội là tổ chức. Trong trường hợp hành vi vi phạm dẫn đến chết người, mức phạt tiền vẫn giữ nguyên như trên. Tuy nhiên, mức hình phạt tù đối với cá nhân có thể bị nâng lên đến tù chung thân, phản ánh mức độ nghiêm trọng của hậu quả do hành vi phạm tội gây ra.

Bên cạnh đó, Điều luật cũng hướng dẫn quá trình chuẩn bị hồ sơ tài liệu đối với các nạn nhân của hành vi này, họ có quyền nộp báo cáo về tác động mà tội phạm gây ra. Báo cáo này sẽ được viên chức quản chế tiếp nhận và có nhiệm vụ phản ánh rõ danh tính nạn nhân, mức độ thương tích, thiệt hại và tổn thất mà họ phải gánh chịu, bao gồm cả ước tính tác động kinh tế từ hành vi phạm tội. Những người được phép nộp báo cáo tác động của nạn nhân, bao gồm: (A) nhà sản xuất và người kinh doanh hợp pháp các hàng hóa hoặc dịch vụ bị ảnh hưởng bởi hành vi phạm tội; (B) chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ đối với các hàng hóa hoặc dịch vụ đó;

(C) đại diện hợp pháp của các nhà sản xuất, người kinh doanh hoặc chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ nêu trên.

Dù cùng điều chỉnh hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả trong lĩnh vực hình sự, pháp luật Việt Nam và Hoa Kỳ có nhiều khác biệt, phản ánh sự khác nhau về cách tiếp cận lập pháp và định hướng chính sách hình sự của từng quốc gia.

Thứ nhất, về phạm vi điều chỉnh, pháp luật Việt Nam quy định xử lý nghiêm các mặt hàng ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe và an toàn người tiêu dùng như thực phẩm, thuốc, vật tư y tế. Trong khi đó, pháp luật Hoa Kỳ chủ yếu tập trung điều chỉnh hành vi sử dụng nhãn hiệu giả mạo, tức là việc sao chép hoặc sử dụng trái phép các dấu hiệu nhận diện đã đăng ký, có khả năng gây nhầm lẫn về nguồn gốc thương mại của sản phẩm hoặc dịch vụ.

Thứ hai, Bộ luật Hình sự Việt Nam ghi nhận các hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc, thực phẩm, phân bón bằng các điều luật riêng biệt, nhằm phân hóa mức độ nghiêm trọng của từng hành vi. Ngược lại, Hoa Kỳ quy định hành vi này trong một điều luật thống nhất, đồng thời sử dụng các yếu tố tăng nặng để xác định mức phạt phù hợp với tính chất và mức độ vi phạm.

Thứ ba, về khung hình phạt, BLHS Việt Nam quy định mức phạt từ 01 năm tù đến tù chung thân trong trường hợp làm giả thuốc gây chết người, dựa trên giá trị hàng giả, hậu quả về sức khỏe, tài sản và yếu tố tái phạm. Bên cạnh đó, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền bổ sung, cấm hành nghề hoặc tịch thu tài sản. Trong khi đó, pháp luật Hoa Kỳ quy định mức phạt tối đa 10 năm tù, hoặc 20 năm tù nếu tái phạm hoặc gây thiệt hại nghiêm trọng, kèm theo các khoản phạt tiền lên đến hàng triệu USD, đặc biệt áp dụng với pháp nhân.

Thứ tư, về các biện pháp bổ sung, cả 2 hệ thống pháp luật hình sự của hai nước đều cho phép tịch thu, tiêu hủy hàng giả và phương tiện phạm tội, đồng thời yêu cầu bồi thường thiệt hại. Tuy nhiên, pháp luật Hoa Kỳ có thêm quy định bảo vệ quyền của nạn nhân trong việc trình bày thiệt hại trong quá trình điều tra và xét xử, đặc biệt đối với các chủ thể sở hữu nhãn hiệu bị xâm phạm.

Thứ năm, về cơ chế giám sát việc thực thi pháp luật, Hoa Kỳ quy định nghĩa vụ báo cáo định kỳ về

hoạt động xử lý các tội danh liên quan đến hàng giả, vi phạm nhãn hiệu và quyền sở hữu trí tuệ. Ngược lại, pháp luật Việt Nam hiện chưa có cơ chế tương tự về báo cáo thống kê hàng năm trong lĩnh vực này.

Tóm lại, sự khác biệt giữa pháp luật Việt Nam và Hoa Kỳ về xử lý hàng giả phản ánh các quan điểm và chính sách hình sự khác nhau. Việc tham khảo học hỏi và điều chỉnh phù hợp sẽ giúp nâng cao hiệu quả phòng chống tội phạm về hàng giả và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

4. Một số vấn đề tham khảo cho pháp luật hình sự Việt Nam

Pháp luật hình sự Việt Nam đã có những bước phát triển tích cực trong việc hoàn thiện các quy định xử lý tội phạm về hàng giả, nhất là trong bối cảnh các hình thức vi phạm ngày càng đa dạng, bao gồm các hành vi có tổ chức, xuyên quốc gia hoặc qua môi trường mạng. So với một số quốc gia như Pháp và Hoa Kỳ, các quốc gia này đã xây dựng khung pháp lý chi tiết liên quan đến tội phạm công nghệ cao hoặc tội phạm mạng trong lĩnh vực hàng giả. Pháp luật Việt Nam hiện vẫn đang trong quá trình tiếp tục hoàn thiện, với các quy định mang tính khung và hướng đến việc cụ thể hóa các tội danh, cũng như hình phạt trong tương lai.

Một điểm đáng chú ý là pháp luật Việt Nam hiện tại chưa có sự phân biệt rõ ràng giữa hàng giả và hàng kém chất lượng, trong khi Pháp đã áp dụng cách tiếp cận phân tách khái niệm này nhằm tạo sự rõ ràng trong việc xác định hành vi vi phạm và mức độ xử lý tương ứng. Việc xây dựng các định nghĩa pháp luật rõ ràng và phù hợp với thực tiễn sẽ góp phần nâng cao hiệu quả xét xử các vụ án liên quan.

Về mặt hình phạt, quy định của pháp luật hình sự Việt Nam có nhiều sự tương đồng với một số

quốc gia khác, song ở một số khía cạnh như mức phạt tiền và biện pháp đối với pháp nhân thương mại vẫn đang tiếp tục được hoàn thiện nhằm đáp ứng nhu cầu quản lý và kiểm soát hiệu quả hơn. Các quy định về trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại đã được bổ sung từ Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và năm 2025 mở ra nhiều cơ hội cho việc xử lý những tổ chức vi phạm trong thực tế. Hoa Kỳ đã phát triển khung pháp lý chi tiết hơn về vấn đề này, đồng thời áp dụng các biện pháp bổ sung như đình chỉ hoạt động hoặc tịch thu lợi nhuận nhằm tăng cường tính răn đe. Các biện pháp xử lý bổ sung trong pháp luật hình sự Việt Nam cũng đã được quy định nhưng vẫn cần tiếp tục hoàn thiện để tăng tính linh hoạt và hiệu quả trong thực tiễn. Ở Hoa Kỳ, các biện pháp này bao gồm cấm hành nghề, công bố bản án rộng rãi, phạt tiền dựa trên tỷ lệ doanh thu hoặc yêu cầu bồi thường công khai, góp phần tạo sự minh bạch và răn đe hiệu quả đối với các hành vi vi phạm. Ngoài ra, pháp luật hình sự Việt Nam hiện nay chưa quy định chi tiết về cơ chế báo cáo, thống kê hay giám sát định kỳ trong lĩnh vực xử lý tội phạm hàng giả, một lĩnh vực mà các quốc gia như Hoa Kỳ đã có những quy định khá hoàn chỉnh nhằm đảm bảo sự minh bạch và nâng cao hiệu quả quản lý.

5. Kết luận

Nhìn chung, pháp luật hình sự Việt Nam đang từng bước hoàn thiện để phù hợp hơn với tình hình thực tế và xu hướng phát triển chung trên thế giới. Việc tiếp tục tham khảo và học hỏi từ các kinh nghiệm pháp luật của Pháp và Hoa Kỳ như đã phân tích và các quốc gia khác trên thế giới sẽ hỗ trợ Việt Nam trong việc xây dựng một hệ thống pháp luật ngày càng toàn diện và hiệu quả hơn trong xử lý tội phạm hàng giả, đặc biệt trong bối cảnh công nghệ và giao thương quốc tế phát triển hiện nay ■

Lời cảm ơn:

Bài viết là sản phẩm của đề tài nghiên cứu mã số CSB2024-25 được tài trợ bởi Trường Đại học Sài Gòn.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN:

¹ Điều L5421-13 đến Điều L5421-15 Bộ luật Y tế công cộng năm 2000, sửa đổi bổ sung năm 2024 của Pháp. Truy cập tại https://www.legifrance.gouv.fr/codes/section_lc/LEGITEXT000006072665/LEGISCTA000026808652/2019-06-01/#LEGISCTA000026808652

²Điều L411 đến Điều L463 Bộ luật Tiêu dùng năm 2016, sửa đổi bổ sung năm 2024 của Pháp. Truy cập tại https://www.legifrance.gouv.fr/codes/section_lc/LEGITEXT000006069565/LEGISCTA00003222661/2024-02-18/?utm

³Title 18 U.S. Code § 2320 (a) <https://www.law.cornell.edu/uscode/text/18/2320>

⁴Điều 1704 Cẩm nang Nghiệp vụ Hình sự Hoa Kỳ. Truy cập tại <https://www.justice.gov/archives/jm/criminal-resource-manual-1704-trademark-counterfeiting-elements-18-usc-2320#:~:text=%C2%A7%202320%2C%20the%20government%20must,the%20defendant%20knew%20that%20the>

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Cẩm nang Nghiệp vụ Hình sự Hoa Kỳ. Truy cập tại <https://www.justice.gov/archives/jm/criminal-resource-manual-1704-trademark-counterfeiting-elements-18-usc-2320#:~:text=%C2%A7%202320%2C%20the%20government%20must,the%20defendant%20knew%20that%20the>

Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2025). Bộ luật Hình sự Việt Nam, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bộ luật Y tế công cộng Pháp năm 2000, sửa đổi bổ sung 2024.

Bộ luật Tiêu dùng 2016, sửa đổi bổ sung năm 2024 của Pháp.

Ngày nhận bài: 25/6/2025

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 2/7/2025

Ngày chấp nhận đăng bài: 22/7/2025

COUNTERFEITING CRIMES UNDER FRENCH AND U.S. CRIMINAL LAWS: IMPLICATIONS FOR THE IMPROVEMENT OF VIETNAMESE CRIMINAL LEGISLATION

● NGUYEN THI THANH BINH

Faculty of Law, Saigon University

ABSTRACT:

Counterfeiting is a global criminal challenge, particularly in the digital era marked by the rapid growth of e-commerce and online transactions. The criminal handling of this offense varies across countries, reflecting differences in legal systems and socio-economic contexts. This study examines the regulation and prosecution of counterfeiting crimes under the criminal laws of France and the United States, analyzing their key similarities and distinctions. Through comparative analysis, the paper identifies valuable insights and lessons that can serve as references for improving Vietnam's criminal law framework to more effectively address counterfeiting in the digital age.

Keywords: crime, counterfeit crime, Criminal Law, criminal law improvement, France, the United States.